

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2025/HS-ST

Ngày 24-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Nguyễn Thị Bận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thanh T**; tên gọi khác: không; sinh ngày 18 tháng 01 năm 2006 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N1 và bà Hà Thị T1 (đã chết); bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 19/7/2021 bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản, tại quyết định số 2615/QĐ-XPHC.

- Ngày 21/7/2021 bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản, tại Quyết định số 7780/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2024 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Cháu Phạm Hồng V, sinh ngày 04/3/2009. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Hồng V: Bà Phạm Thị T2 (là mẹ

ruột của cháu Phạm Hồng V), sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Phạm Thị Hồng T3, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- **Người chứng kiến:** Ông Y D Êban, sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phan Thanh T không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài cá nhân và để có phương tiện đi lại nên vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 28/11/2024, T đi bộ một mình quanh các tuyến đường thuộc địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tìm kiếm tài sản của người dân để trộm cắp. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực vỉa hè của Hoa viên tượng đài Bác H trên đường P, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, T nhìn thấy một chiếc xe gắn máy, biển số 47A- 150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại VT SIRUS, đang dựng chân chống nghiêng, xe không khóa cổ, đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng ra đường P, không có người trông coi. T quan sát xung quanh thấy không có người nên đi đến gần chiếc xe gắn máy rồi dùng tay đẩy chiếc xe đi qua phía bên đường đối diện. Sau đó, T khởi động rồi điều khiển chiếc xe tẩu thoát. Sau khi trộm cắp được chiếc xe gắn máy trên, T sử dụng để làm phương tiện đi lại. Đến ngày 19/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát hiện, triệu tập T làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã tạm giữ của T: 01 (một) xe gắn máy có số khung BRN4JH003861, số máy FMBVT3203861, biển số 47AB-150.XX; 01 (một) áo khoác màu xám và 01 (một) quần thể thao màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 286/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 47AB-150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại: VT SIRUS, số máy: FMBVT3203861, số khung: BRN4JH003861, tài sản đã qua sử dụng, tài sản thu hồi được, thời điểm định giá ngày 28/11/2024, có trị giá là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 25/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Phan Thanh T, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thanh T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại cho chị T3 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 chiếc xe gắn máy, biển số 47AB-150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại: VT SIRUS, số máy: FMBVT3203861, số khung: BRN4JH003861.

Trả lại cho bị cáo T: 01 áo khoác màu xám, 01 quần thể thao màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản chị T3, cháu V không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường chi phí nào khác

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 28/11/2024 tại khu vực vỉa hè Hoa viên tượng đài Bác H trên đường P, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phan Thanh T đã lén lút trộm cắp của cháu Phạm Hồng V 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 47AB-150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại: VT SIRUS, số máy: FMBVT3203861, số khung: BRN4JH003861, tài sản đã qua sử dụng, có trị giá là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo Phan Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền bằng con đường bất chính, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe gắn máy của cháu Phạm Hồng V trị giá 4.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 47AB-150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại: VT SIRUS, số máy: FMBVT3203861, số khung: BRN4JH003861, dung tích xi lanh: 49,5 cm³, quá trình điều tra xác định chiếc xe gắn máy trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị T3 (là chị ruột của cháu Phạm Hồng V). Ngày 28/11/2024 chị T3 cho cháu V mượn để làm phương tiện đi lại và bị bị cáo T chiếm đoạt. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chị T3 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 (một) áo khoác màu xám và 01 (một) quần thể thao màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo T, quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở

hữu hợp pháp của bị cáo T và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản chị T3, cháu V không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường chi phí nào khác là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T **09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại cho chị Phạm Thị Hồng T3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 47AB-150.XX, nhãn hiệu VIET THAI, số loại: VT SIRUS, số máy: FMBVT3203861, số khung: BRN4JH003861, dung tích xi lanh: 49,5 cm³.

Trả lại cho bị cáo Phan Thanh T: 01 (một) áo khoác màu xám và 01 (một) quần thể thao màu đen, đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản chị Phạm Thị Hồng T3, cháu Phạm Hồng V không yêu cầu bị cáo Phan Thanh T phải bồi thường chi phí nào khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My